

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐẮK LẮK

TRƯỜNG THPT EA SÚP

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 10 NĂM HỌC 2025-2026

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Tổng điểm xét tuyển	Lớp	Xếp lớp theo nhóm môn học và NV
1	HUỖNH VÕ ĐẠI AN	16/04/2010	Nam	Kinh	13.33	10A1	N1-NV1
2	LÊ NGỌC KIM ANH	12/08/2010	Nữ	Kinh	20.25	10A1	N1-NV1
3	TRIỆU THỊ LAN ANH	25/04/2010	Nữ	Dao	16.75	10A1	N1-NV1
4	TRƯƠNG NGỌC QUỐC ANH	02/08/2010	Nam	Kinh	20.75	10A1	N1-NV1
5	VŨ HUY BẢO	23/05/2010	Nam	Kinh	10.75	10A1	N1-NV1
6	ĐÌNH THANH CẢNH	14/09/2009	Nam	Kinh	11.25	10A1	N1-NV1
7	BÙI THANH CAO	11/11/2010	Nam	Kinh	12	10A1	N1-NV1
8	LÀ VI NGỌC DIỆP	14/10/2010	Nữ	Nùng	13.75	10A1	N1-NV1
9	BÙI THỊ KIM DUNG	04/04/2010	Nữ	Kinh	13	10A1	N1-NV1
10	LÊ NGUYỄN ANH DŨNG	11/11/2010	Nam	Kinh	16.5	10A1	N1-NV1
11	NGUYỄN VĂN DUY	07/10/2010	Nam	Kinh	15.75	10A1	N1-NV1
12	NÔNG TRUNG HẢI	26/01/2010	Nam	Nùng		10A1	N1-NV1-Ưu
13	LANG THỊ NGỌC HÂN	06/02/2010	Nữ	Thái	11.5	10A1	N1-NV1
14	CAO VĂN HẬU	21/03/2010	Nam	Kinh	23.5	10A1	N1-NV1
15	CHU QUỐC HIỆP	04/04/2010	Nam	Tày	11.5	10A1	N1-NV1
16	NGUYỄN THỊ HIẾU	04/04/2010	Nữ	Kinh	17.25	10A1	N1-NV1
17	TRẦN QUANG HÙNG	29/05/2010	Nam	Kinh	19.25	10A1	N1-NV1
18	GIẢNG THỊ NGỌC LAN	28/07/2010	Nữ	HMông	11.25	10A1	N1-NV1
19	NGUYỄN HOÀNG LINH	09/12/2010	Nam	Kinh	22	10A1	N1-NV1
20	PHẠM VŨ PHƯƠNG LINH	25/12/2010	Nữ	Kinh	24	10A1	N1-NV1
21	MÔNG THỊ TRÀ MY	06/12/2010	Nữ	Nùng	13.75	10A1	N1-NV1
22	TRẦN DUY MY	07/03/2010	Nữ	Kinh	22.75	10A1	N1-NV1
23	HUỖNH THỊ HẰNG NGA	20/09/2010	Nữ	Kinh	24	10A1	N1-NV1
24	PHẠM THỊ TUYẾT NGA	21/09/2010	Nữ	Kinh	14.75	10A1	N1-NV1
25	ĐẶNG THỊ CỬU NGỌC	01/11/2010	Nữ	Kinh	18	10A1	N1-NV1
26	LAI MỸ NGỌC	19/07/2008	Nữ	Hoa	28.25	10A1	N1-NV1
27	NGUYỄN NGỌC NGUYỄN	08/01/2010	Nam	Kinh	21.75	10A1	N1-NV1
28	NGUYỄN XUÂN NHI	24/02/2010	Nữ	Kinh	24	10A1	N1-NV1
29	TRIỆU PHỤ PÁO	07/06/2009	Nam	Dao	11.25	10A1	N1-NV1
30	NGUYỄN THANH PHONG	18/03/2010	Nam	Kinh	18	10A1	N1-NV1
31	HUỖNH LỆ QUYÊN	17/09/2010	Nữ	Kinh	15	10A1	N1-NV1
32	PHẠM VĂN TIẾN	10/01/2010	Nam	Kinh	13.5	10A1	N1-NV1
33	LÊ VĂN TÍN	20/08/2010	Nam	Kinh	19.75	10A1	N1-NV1
34	NGUYỄN THÁI TUẤN	04/03/2010	Nam	Kinh	15.5	10A1	N1-NV1
35	NGUYỄN MAI TRINH	01/01/2010	Nữ	Kinh	18	10A1	N1-NV1
36	MAI XUÂN TRỌNG	20/08/2010	Nam	Kinh	25.25	10A1	N1-NV1
37	PHAN THANH TRUNG	15/11/2010	Nam	Kinh	16.75	10A1	N1-NV1
38	LÊ XUÂN TRƯỜNG	16/09/2010	Nam	Kinh	18	10A1	N1-NV1
39	TRINH HỒ NHÃ UYÊN	17/12/2010	Nữ	Kinh	21.75	10A1	N1-NV1
40	HOÀNG THỊ HÀ VI	18/01/2010	Nữ	Nùng	18	10A1	N1-NV1
41	NGUYỄN QUỐC UY VŨ	10/03/2010	Nam	Kinh	22.25	10A1	N1-NV1
42	HỒ THANH VƯƠNG	09/02/2010	Nam	Kinh	12	10A1	N1-NV1
43	CAO THỊ BẢO YẾN	23/10/2010	Nữ	Kinh	11.25	10A1	N1-NV1
44	LÊ THỊ HOÀNG YẾN	15/04/2010	Nữ	Kinh	17	10A1	N1-NV1

NGƯỜI LẬP DANH SÁCH

HL

Huỳnh Trung Hiếu

HIỆU TRƯỞNG



Lê Quang Trường

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐẮK LẮK

TRƯỜNG THPT EA SÚP

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 10 NĂM HỌC 2025-2026

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Tổng điểm xét tuyển	Lớp	Xếp lớp theo nhóm môn học và NV
1	HOÀNG VĂN ANH	28/06/2010	Nam	Kinh	22.25	10A2	N1-NV1
2	TRẦN THUY NGỌC ANH	30/03/2010	Nữ	Kinh	24.25	10A2	N1-NV1
3	BUI ĐỨC BẢO	27/09/2010	Nam	Kinh	18.67	10A2	N1-NV1
4	NGUYỄN QUÁCH GIA BẢO	05/06/2010	Nam	Kinh	21	10A2	N1-NV1
5	VÕ HOÀNG BẢO	28/10/2010	Nam	Kinh	16.5	10A2	N1-NV1
6	HOÀNG TRIỆU CHÍ CƯỜNG	23/02/2010	Nam	Nùng	11.5	10A2	N1-NV1
7	HOÀNG THỊ NGỌC DIỆP	31/08/2010	Nữ	Nùng		10A2	N1-NV1-Ut
8	NGUYỄN TẤN DŨNG	04/09/2010	Nam	Kinh	13.5	10A2	N1-NV1
9	LUẦN VŨ HẢI DUY	20/04/2010	Nam	Nùng	16.5	10A2	N1-NV1
10	ĐẬU THUY ĐAN	26/11/2010	Nữ	Kinh	20.5	10A2	N1-NV1
11	NGUYỄN LINH ĐAN	26/04/2010	Nữ	Kinh	23.25	10A2	N1-NV1
12	LÊ HUỖNH HƯƠNG GIANG	29/10/2010	Nữ	Kinh	18.67	10A2	N1-NV1
13	NGUYỄN VĂN VIỆT KHAI	06/03/2010	Nam	Kinh	24	10A2	N1-NV1
14	NGUYỄN TRUNG ĐẠI LÂM	07/01/2010	Nam	Kinh	20.25	10A2	N1-NV1
15	HỒ THỊ KHÁNH LY	16/12/2010	Nữ	Kinh	16.25	10A2	N1-NV1
16	PHẠM TRẦN DIỆM MY	15/06/2010	Nữ	Kinh	19.75	10A2	N1-NV1
17	DƯƠNG THỊ KHÁNH NGỌC	28/11/2010	Nữ	Kinh	14.25	10A2	N1-NV1
18	HỒ NHẬT NGUYỄN	10/12/2010	Nam	Kinh	11.5	10A2	N1-NV1
19	NGUYỄN HỒ TRUNG NGUYỄN	10/07/2010	Nam	Kinh	12.75	10A2	N1-NV1
20	DƯƠNG THỊ LAN NHI	07/02/2010	Nữ	Tày	11.5	10A2	N1-NV1
21	LÊ HUỖNH YẾN NHƯ	18/11/2010	Nữ	Kinh	17.75	10A2	N1-NV1
22	DƯƠNG THỊ PHUA	16/08/2009	Nữ	HMông	11	10A2	N1-NV1
23	KHÔNG LAN PHƯƠNG	22/03/2010	Nữ	Kinh	11	10A2	N1-NV1
24	BUI MINH QUÂN	26/04/2010	Nam	Kinh	13.17	10A2	N1-NV1
25	TRẦN NGUYỄN NHƯ QUỲNH	25/09/2010	Nữ	Kinh	21.5	10A2	N1-NV1
26	H' SAO ƠN KPÁ	02/11/2010	Nữ	Gia-rai	13.92	10A2	N1-NV1
27	HOÀNG HỮU TÂM	22/09/2010	Nam	Kinh	23.17	10A2	N1-NV1
28	PHÙNG QUỐC TOÀN	14/11/2010	Nam	Nùng	11	10A2	N1-NV1
29	TRẦN TRỌNG TỬ	14/01/2010	Nam	Kinh	16	10A2	N1-NV1
30	BUI NGỌC THẠCH	03/08/2010	Nam	Kinh	19.75	10A2	N1-NV1
31	LÊ DUY THAI	17/10/2010	Nam	Kinh	12	10A2	N1-NV1
32	LÊ QUỐC THAI	25/05/2010	Nam	Kinh	15	10A2	N1-NV1
33	LÊ PHƯƠNG THẢO	30/10/2010	Nữ	Thái		10A2	N1-NV1-Ut
34	PHAN PHƯỚC THIÊN	18/08/2010	Nam	Kinh	22.75	10A2	N1-NV1
35	NGUYỄN HÀ THU	13/07/2010	Nữ	Kinh	24.25	10A2	N1-NV1
36	ĐÀO THỊ ANH THU	03/03/2010	Nữ	Kinh	18.5	10A2	N1-NV1
37	LÊ ANH THU	19/10/2010	Nữ	Kinh	13.75	10A2	N1-NV1
38	TRƯƠNG NGUYỄN ANH THU	08/12/2010	Nữ	Kinh	26	10A2	N1-NV1
39	HỒ THỊ HUYỀN TRANG	08/04/2010	Nữ	Kinh	17.25	10A2	N1-NV1
40	TRIỆU THỊ HUYỀN TRANG	12/12/2010	Nữ	Dao	16.25	10A2	N1-NV1
41	KIỀU DƯƠNG GIA TRƯỜNG	06/10/2010	Nam	Kinh	17.75	10A2	N1-NV1
42	NGUYỄN THANH VÂN	01/12/2010	Nữ	Kinh	16.75	10A2	N1-NV1
43	NGUYỄN UY VŨ	06/01/2010	Nam	Kinh	18.25	10A2	N1-NV1
44	NGUYỄN THẢO VY	02/06/2010	Nữ	Kinh	26.25	10A2	N1-NV1

NGƯỜI LẬP DANH SÁCH

Huỳnh Trung Hiếu

HIỆU TRƯỞNG



Lê Quang Trường

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐẮK LẮK

TRƯỜNG THPT EA SÚP

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 10 NĂM HỌC 2025-2026

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Tổng điểm xét tuyển	Lớp	Xếp lớp theo nhóm môn học và NV
1	DOÃN BẮC AN	07/04/2010	Nam	Kinh	21.08	10A3	N1-NV1
2	DƯƠNG VŨ HỒNG ANH	10/07/2010	Nữ	Kinh	24.25	10A3	N1-NV1
3	ĐẶNG PHAN TUẤN ANH	11/05/2010	Nam	Kinh	15	10A3	N1-NV1
4	NGUYỄN THỊ MINH ANH	17/09/2010	Nữ	Kinh	22.75	10A3	N1-NV1
5	LƯƠNG HOÀNG BÁCH	05/03/2010	Nam	Kinh	22.25	10A3	N1-NV1
6	ĐOÀN THỂ BẢO	15/06/2010	Nam	Kinh	13.75	10A3	N1-NV1
7	TRIỆU QUỐC BẢO	24/03/2010	Nam	Nùng	12	10A3	N1-NV1
8	HOÀNG VIỆT BẮC	25/08/2010	Nam	Tày	11	10A3	N1-NV1
9	NGUYỄN THỊ BẮC	21/01/2010	Nữ	Kinh	18.5	10A3	N1-NV1
10	PHAN VĂN BẮC	27/11/2010	Nam	Kinh	18	10A3	N1-NV1
11	PHẠM XUÂN BÌNH	30/09/2010	Nam	Kinh	20.25	10A3	N1-NV1
12	NGUYỄN MẠNH DẠN	23/10/2010	Nam	Kinh	18.75	10A3	N1-NV1
13	NGUYỄN NGỌC THỦY DUNG	03/01/2010	Nữ	Kinh	24.25	10A3	N1-NV1
14	NGUYỄN ĐỨC GIANG	11/06/2010	Nam	Kinh	13	10A3	N1-NV1
15	VŨ THỊ KIM HUỆ	20/09/2010	Nữ	Kinh	11	10A3	N1-NV1
16	KHÚC NGUYỄN GIA HUY	20/10/2010	Nam	Kinh	22	10A3	N1-NV1
17	BUI HỮU MINH KHOA	19/07/2010	Nam	Kinh	25.75	10A3	N1-NV1
18	ĐỖ PHƯƠNG LINH	27/04/2010	Nữ	Kinh	25	10A3	N1-NV1
19	VĂN NGUYỄN HOÀNG LINH	04/03/2010	Nữ	Kinh	20.5	10A3	N1-NV1
20	ĐẶNG THỊ LỘC	05/09/2010	Nữ	Kinh	17.5	10A3	N1-NV1
21	HOÀNG THỊ MAI	07/05/2010	Nữ	Nùng	11	10A3	N1-NV1
22	CAO HOÀNG MINH	18/01/2010	Nam	Kinh	14.25	10A3	N1-NV1
23	ĐỖ NGỌC MINH	26/06/2010	Nam	Kinh	17.75	10A3	N1-NV1
24	PHẠM ĐỨC NAM	22/03/2010	Nam	Kinh	11.75	10A3	N1-NV1
25	TRẦN THẢO NGỌC	23/02/2010	Nữ	Kinh	16.25	10A3	N1-NV1
26	PHAN THỊ NGUYỆT	31/03/2010	Nữ	Kinh		10A3	N1-NV1-Út
27	NÔNG NGUYỄN QUANG NHẬT	23/12/2010	Nam	Tày	16.5	10A3	N1-NV1
28	LƯƠNG NGỌC THẢO NHÌ	01/04/2010	Nữ	Kinh	23.75	10A3	N1-NV1
29	TRƯƠNG HOÀI BẢO NHƯ	02/05/2010	Nữ	Kinh	21.5	10A3	N1-NV1
30	TRIỆU THỊ KIM OANH	19/01/2010	Nữ	Nùng	14.5	10A3	N1-NV1
31	NGUYỄN TÂN PHÁT	18/06/2010	Nam	Kinh	12.75	10A3	N1-NV1
32	NGUYỄN THỊ PHƯỢNG	22/02/2010	Nữ	Kinh	18.5	10A3	N1-NV1
33	NGUYỄN NGỌC ANH QUÂN	19/07/2010	Nam	Kinh	16.25	10A3	N1-NV1
34	THẢO THỊ SỸ	11/07/2008	Nữ	HMông	11.5	10A3	N1-NV1
35	ĐOÀN THẮNG TIỀN	20/10/2010	Nam	Kinh	20	10A3	N1-NV1
36	TRƯƠNG THỊ MỸ TÌNH	30/01/2010	Nữ	Kinh	14.08	10A3	N1-NV1
37	TRIỆU THỊ BÍCH THOA	07/05/2010	Nữ	Dao	13.5	10A3	N1-NV1
38	HỒ QUỲNH TRANG	07/01/2010	Nữ	Kinh	16.5	10A3	N1-NV1
39	TRẦN THỊ THỦY TRANG	14/04/2010	Nữ	Kinh	17.5	10A3	N1-NV1
40	BÊ THỊ MỸ UYÊN	08/08/2010	Nữ	Nùng	16.25	10A3	N1-NV1
41	NGUYỄN THỊ THANH VÂN	24/04/2010	Nữ	Kinh	22.75	10A3	N1-NV1
42	PHẠM ĐỨC VIỆT	22/03/2010	Nam	Kinh	11.75	10A3	N1-NV1
43	TRƯƠNG VĂN VIỆT	09/05/2010	Nam	Kinh	16	10A3	N1-NV1
44	VÕ THỊ MỸ XUYỀN	12/11/2010	Nữ	Kinh	14.25	10A3	N1-NV1

NGƯỜI LẬP DANH SÁCH

Handwritten signature

Huỳnh Trung Hiếu

HIỆU TRƯỞNG



Handwritten signature
Lê Quang Cường

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐẮK LẮK

TRƯỜNG THPT EA SÚP

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 10 NĂM HỌC 2025-2026

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Tổng điểm xét tuyển	Lớp	Xếp lớp theo nhóm môn học và NV
1	NÔNG THẠCH AN	06/01/2009	Nam	Nùng	11	10A4	N2-NV1
2	PHẠM HOÀNG ANH	11/10/2009	Nam	Kinh	8.75	10A4	N2-NV2
3	VŨ NGỌC ANH	06/01/2010	Nữ	Kinh	18	10A4	N2-NV1
4	ĐỖ GIA BẢO	17/07/2009	Nam	Kinh	9.25	10A4	N2-NV1
5	LÊ TRẦN DUY BẢO	17/10/2010	Nam	Kinh	13.5	10A4	N2-NV1
6	NGUYỄN THÀNH CÔNG	01/05/2010	Nam	Kinh	14.25	10A4	N2-NV1
7	NGUYỄN VĂN CÔNG	27/12/2010	Nam	Kinh	10.25	10A4	N2-NV1
8	NGUYỄN BẢO CHÂU	16/10/2010	Nam	Kinh	20	10A4	N2-NV1
9	VÀNG A CHỜ	31/08/2009	Nam	HMông	9.75	10A4	N2-NV1
10	VÀNG A DANH	12/03/2009	Nam	HMông	10.75	10A4	N2-NV1
11	TRIỆU THỊ DIỄN	22/08/2010	Nữ	Nùng	9.25	10A4	N2-NV1
12	BÙI THỊ HỒNG HẠNH	18/05/2010	Nữ	Kinh	12.5	10A4	N2-NV1
13	HUỖNH ĐỨC HOÀNG	23/03/2010	Nam	Kinh	8.75	10A4	N2-NV2
14	NGUYỄN HUY HOÀNG	03/04/2010	Nam	Kinh	13	10A4	N2-NV1
15	LÊ QUỐC HUY	03/05/2010	Nam	Kinh	11.75	10A4	N2-NV1
16	HUỖNH LÊ THANH HƯƠNG	19/04/2010	Nữ	Kinh	16.75	10A4	N2-NV1
17	TRẦN ANH KIẾT	13/10/2010	Nam	Kinh	12.5	10A4	N2-NV1
18	NGUYỄN PHẠM HOÀNG KHANG	19/07/2010	Nam	Kinh	15	10A4	N2-NV1
19	TRIỆU VĂN KHIÊM	22/09/2010	Nam	Nùng	8.75	10A4	N2-NV2
20	LÝ VĂN LỢI	10/05/2009	Nam	Nùng	13	10A4	N2-NV1
21	NGUYỄN TUỆ MINH	06/05/2010	Nữ	Kinh	23.75	10A4	N2-NV1
22	HỒ NGỌC TUYẾT NHI	19/04/2010	Nữ	Kinh	13.75	10A4	N2-NV1
23	NGUYỄN THỊ MAI NHI	15/04/2010	Nữ	Kinh	17.5	10A4	N2-NV1
24	NGUYỄN THỊ NHỎ	20/08/2010	Nữ	Kinh	24.5	10A4	N2-NV1
25	KHA VĂN MINH QUÂN	24/03/2010	Nam	Thái	9.5	10A4	N2-NV1
26	LÊ QUÂN	07/08/2010	Nam	Kinh	15	10A4	N2-NV1
27	ĐÀM THỊ NHƯ QUỲNH	29/11/2010	Nữ	Nùng	10.5	10A4	N2-NV2
28	NGUYỄN TRẦN MAI QUỲNH	05/02/2010	Nữ	Kinh	18.67	10A4	N2-NV1
29	NÔNG THỊ TÂM	15/07/2010	Nữ	Tày		10A4	N2-NV1-Ut
30	HOÀNG THANH TÙNG	24/02/2010	Nam	Nùng	8.75	10A4	N2-NV2
31	Y THỨC NY KPĂ	23/02/2009	Nam	Gia-rai	12.5	10A4	N2-NV1
32	PHẠM HOÀNG ANH THƯ	09/09/2010	Nữ	Kinh	12.5	10A4	N2-NV1
33	NÔNG THỊ PHƯƠNG TRÚC	26/02/2010	Nữ	Tày	9.25	10A4	N2-NV3
34	TRẦN THỊ THANH TRÚC	21/01/2010	Nữ	Kinh	15.25	10A4	N2-NV1
35	BÙI THỊ THẢO UYÊN	22/03/2010	Nữ	Kinh	17.5	10A4	N2-NV1
36	NGUYỄN THỊ UYÊN	30/10/2010	Nữ	Kinh	15.5	10A4	N2-NV1
37	ĐÌNH HOÀNG VIỆT	13/09/2010	Nam	Kinh	10	10A4	N2-NV2
38	ĐÌNH THỊ KHÁNH VY	26/06/2010	Nữ	Tày		10A4	N2-NV1-Ut
39	PHẠM THẢO VY	20/02/2010	Nữ	Kinh	22.25	10A4	N2-NV1
40	NGUYỄN HOÀNG YẾN	26/01/2010	Nữ	Kinh	20.5	10A4	N2-NV1

NGƯỜI LẬP DANH SÁCH

fE

Huỳnh Trung Hiếu



Lê Quang Trường

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐẮK LẮK

TRƯỜNG THPT EA SÚP

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 10 NĂM HỌC 2025-2026

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Tổng điểm xét tuyển	Lớp	Xếp lớp theo nhóm môn học và NV
1	NÔNG NGUYỄN TUẤN ANH	08/06/2010	Nam	Nùng	13.5	10A5	N2-NV1
2	PHẠM QUỐC MINH ANH	16/03/2010	Nam	Kinh	10.25	10A5	N2-NV2
3	TRẦN VÕ HÀ ANH	03/05/2010	Nữ	Kinh	13	10A5	N2-NV1
4	NGUYỄN THỊ NGỌC ANH	05/02/2010	Nữ	Kinh	18	10A5	N2-NV1
5	TRẦN NGỌC ANH	25/09/2010	Nữ	Kinh	16.25	10A5	N2-NV1
6	THẦN GIA BẢO	10/09/2010	Nam	Kinh	13.5	10A5	N2-NV1
7	VŨ XUÂN BIÊN	06/02/2010	Nam	Kinh	12.5	10A5	N2-NV1
8	LỤC THỂ CẢNH	11/04/2009	Nam	Tày		10A5	N2-Ut
9	TRẦN NGỌC DIỆP	13/11/2010	Nữ	Kinh	16.5	10A5	N2-NV1
10	NGUYỄN LÊ ĐĂNG DƯƠNG	05/08/2010	Nam	Kinh	16.25	10A5	N2-NV1
11	TRƯƠNG THỊ ĐÀO	19/04/2010	Nữ	Nùng	8	10A5	N2-NV3
12	NGUYỄN QUỐC ĐẠT	01/05/2010	Nam	Kinh	9	10A5	N2-NV1
13	TRẦN TRỌNG HOÀNG	28/11/2010	Nam	Sán Chay	10.75	10A5	N2-NV1
14	HOÀNG THỊ HUỆ	16/09/2010	Nữ	Nùng	10.5	10A5	N2-NV3
15	TRIỆU THU HƯỜNG	12/09/2010	Nữ	Dao	9	10A5	N2-NV3
16	NGUYỄN HOÀNG LINH	28/11/2010	Nữ	Kinh	23.75	10A5	N2-NV1
17	TRẦN THUY LINH	04/04/2010	Nữ	Kinh	17	10A5	N2-NV1
18	NGUYỄN THANH LỘC	16/10/2010	Nam	Kinh	13	10A5	N2-NV1
19	NGUYỄN THỊ MINH MẾN	16/06/2010	Nữ	Tày	10	10A5	N2-NV1
20	VÀNG A MUA	08/12/2010	Nam	HMông	11.5	10A5	N2-NV1
21	BUI ĐÌNH THẢO MY	28/03/2010	Nữ	Kinh	25	10A5	N2-NV1
22	HỒ THẢO MY	28/09/2010	Nữ	Kinh	13.5	10A5	N2-NV1
23	NGUYỄN THỊ HẰNG NÌ	06/09/2010	Nữ	Kinh	18	10A5	N2-NV1
24	TRẦN VĂN HỮU NGHĨA	18/11/2010	Nam	Kinh	12.25	10A5	N2-NV1
25	NGUYỄN VĂN ĐÌNH NGUYỄN	19/09/2010	Nam	Kinh	8.5	10A5	N2-NV2
26	LƯƠNG NGỌC NHI	12/01/2010	Nữ	Nùng	9.75	10A5	N2-NV1
27	HÀ MINH QUÂN	16/12/2010	Nam	Thái	10.25	10A5	N2-NV3
28	NGUYỄN GIANG BẢO SƠN	25/12/2010	Nam	Kinh	14.75	10A5	N2-NV1
29	NGUYỄN ĐÌNH TIỀN	20/02/2010	Nam	Kinh	9.08	10A5	N2-NV2
30	LÝ TOÀN THẮNG	21/04/2010	Nam	HMông	12.25	10A5	N2-NV1
31	HUỲNH TRUNG THIÊN	12/11/2010	Nam	Kinh	10.25	10A5	N2-NV1
32	HỒ VĂN THUẬN	09/08/2010	Nam	Kinh		10A5	N2-NV1-Ut
33	DƯƠNG THỊ THƯƠNG	30/05/2010	Nữ	Kinh	18.75	10A5	N2-NV1
34	NGUYỄN TRẦN BẢO TRẦN	02/06/2010	Nữ	Kinh	12	10A5	N2-NV1
35	ĐỖ THỊ THUY TRÚC	11/05/2010	Nữ	Kinh	23.25	10A5	N2-NV1
36	NGUYỄN THỊ KIM VÂN	05/03/2010	Nữ	Kinh	19.25	10A5	N2-NV1
37	NGUYỄN HOÀNG VŨ	27/10/2010	Nam	Kinh	18.25	10A5	N2-NV1
38	BUI THỊ TƯỜNG VY	20/01/2010	Nữ	Kinh	17.25	10A5	N2-NV1
39	NGUYỄN HAI YẾN	18/01/2010	Nữ	Tày	21.5	10A5	N2-NV1

NGƯỜI LẬP DANH SÁCH

fE

Huỳnh Trung Hiếu

HIỆU TRƯỞNG



Lê Quang Trường

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐẮK LẮK

TRƯỜNG THPT EA SÚP

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 10 NĂM HỌC 2025-2026

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Tổng điểm xét tuyển	Lớp	Xếp lớp theo nhóm môn học và NV
1	ĐÀM THỊ AN	26/02/2010	Nữ	Tày	16.5	10A6	N3-NV1
2	LỤC KỲ ANH	07/11/2010	Nam	Tày	10	10A6	N3-NV1
3	NGUYỄN HOÀNG ANH	07/07/2010	Nam	Kinh	9.5	10A6	N3-NV1
4	HỒ LÊ VĂN BÌNH	29/08/2010	Nam	Kinh	11.75	10A6	N3-NV1
5	NGUYỄN THỊ YẾN CHI	02/10/2010	Nữ	Kinh	12	10A6	N3-NV1
6	VI THỊ NGỌC DIỆP	03/04/2010	Nữ	Nùng	11.5	10A6	N3-NV1
7	H' DIN SIU	10/09/2009	Nữ	Gia-rai		10A6	N3-NV1-Ut
8	NGUYỄN VĂN DŨNG	01/12/2010	Nam	Kinh	12	10A6	N3-NV1
9	VŨ TẤN DŨNG	10/08/2010	Nam	Kinh	9.5	10A6	N3-NV1
10	PHẠM VĂN ĐỒ	25/02/2010	Nam	Kinh	10	10A6	N3-NV1
11	TRẦN PHAN HOÀNG HẢI	17/01/2010	Nam	Kinh	22	10A6	N3-NV1
12	ĐÀM THỊ NGỌC HIỀN	06/04/2010	Nữ	Nùng	11	10A6	N3-NV1
13	NGUYỄN KHÁNH HÒA	26/11/2010	Nữ	Kinh	12.5	10A6	N3-NV1
14	ĐÀM THỊ BÍCH HỢP	10/04/2010	Nữ	Nùng	15.75	10A6	N3-NV1
15	BÙI ANH GIA HUY	08/01/2010	Nam	Kinh	11	10A6	N3-NV1
16	ĐẶNG THỊ NGỌC HUYỀN	15/09/2010	Nữ	Kinh	18	10A6	N3-NV1
17	HOÀNG THỊ MAI HƯƠNG	11/01/2009	Nữ	Nùng	10	10A6	N3-NV1
18	BẢN TRUNG KHÁNH	28/05/2010	Nam	Dao	13.75	10A6	N3-NV1
19	HUỲNH NGỌC TƯỜNG LAM	13/09/2010	Nữ	Kinh	15.75	10A6	N3-NV1
20	CAO THỊ THẢO LINH	17/08/2010	Nữ	Kinh	16.75	10A6	N3-NV1
21	VŨ THỊ HÀ LINH	11/11/2010	Nữ	Kinh	13.08	10A6	N3-NV1
22	PHAN THỊ THANH MAI	29/07/2010	Nữ	Tày		10A6	N3-NV1-Ut
23	NÔNG THẾ MẠNH	19/05/2010	Nam	Nùng	12	10A6	N3-NV1
24	HỒ LÊ GIA MÃN	15/03/2010	Nữ	Kinh	14.75	10A6	N3-NV1
25	TRẦN CÔNG NGHIỆP	08/04/2009	Nam	Kinh	14.25	10A6	N3-NV1
26	TRẦN THỊ YẾN NHI	23/10/2010	Nữ	Kinh	10.25	10A6	N3-NV1
27	VI THỊ QUỲNH NHƯ	15/09/2010	Nữ	HMông	12.75	10A6	N3-NV1
28	TRẦN THỊ KIỀU OANH	01/11/2010	Nữ	Tày	15	10A6	N3-NV1
29	TRIỆU MẠC PHI	10/03/2010	Nam	Dao	9.75	10A6	N3-NV1
30	TRỊNH NHẬT PHI	12/12/2010	Nam	Kinh	14.25	10A6	N3-NV1
31	LÝ THỊ YẾN PHƯƠNG	16/06/2010	Nữ	Tày	10.5	10A6	N3-NV1
32	CAO VĂN QUANG	17/09/2010	Nam	Nùng	13.25	10A6	N3-NV1
33	ĐÌNH TUẤN TÀI	17/01/2010	Nam	Tày	11.5	10A6	N3-NV1
34	MÔNG THỊ THỦY TIỀN	21/07/2010	Nữ	Nùng	10	10A6	N3-NV1
35	TRẦN THỊ TƯỜNG	09/09/2010	Nữ	Nùng	13	10A6	N3-NV1
36	NGUYỄN THỊ THANH THẢO	12/12/2010	Nữ	Kinh	17.75	10A6	N3-NV1
37	LÝ THỊ HOÀI THU	19/11/2010	Nữ	Tày	10.5	10A6	N3-NV1
38	ĐOÀN THỊ DIỆU TRANG	30/06/2010	Nữ	Kinh	11.75	10A6	N3-NV1
39	HÀ THU TRANG	12/06/2010	Nữ	Thái	11.75	10A6	N3-NV1
40	NGUYỄN THỊ HỒNG TRANG	24/05/2010	Nữ	Kinh	10	10A6	N3-NV1
41	TẶNG THỊ THANH TRÚC	01/11/2010	Nữ	Kinh	14.25	10A6	N3-NV1
42	TẠ X VĂN	19/02/2010	Nam	Kinh	10.75	10A6	N3-NV1
43	KHUU ĐỨC VIỆT	10/10/2010	Nam	Kinh	10	10A6	N3-NV1
44	PHẠM NGUYỄN PHƯƠNG VY	18/12/2010	Nữ	Nùng	11	10A6	N3-NV1

NGƯỜI LẬP DANH SÁCH

Handwritten signature

Huỳnh Trung Hiếu

HIỆU TRƯỞNG



Handwritten signature
Lê Quang Cường

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐẮK LẮK

TRƯỜNG THPT EA SÚP

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 10 NĂM HỌC 2025-2026

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Tổng điểm xét tuyển	Lớp	Xếp lớp theo nhóm môn học và NV
1	RIÊU QUỲNH AN	25/10/2010	Nữ	Kinh	9.67	10A7	N3-NV1
2	ĐOÀN DUY BẢO	02/09/2009	Nam	Kinh	9.75	10A7	N3-NV1
3	NGUYỄN QUANG GIA BẢO	13/09/2009	Nam	Kinh	10.5	10A7	N3-NV1
4	PHẠM THỊ MINH CHÂU	30/08/2010	Nữ	Kinh	12	10A7	N3-NV1
5	TRẦN NGỌC DIỆP	22/08/2010	Nữ	Kinh	16.75	10A7	N3-NV1
6	BUI BÌNH DƯƠNG	29/03/2010	Nam	Mường	12	10A7	N3-NV1
7	NGUYỄN THÁI ĐẠT	25/03/2010	Nam	Kinh	17.5	10A7	N3-NV1
8	H GIẢN DI SIU	23/09/2010	Nữ	Gia-rai	11.25	10A7	N3-NV1
9	LÝ GIA HÂN	02/04/2010	Nữ	Nùng	14	10A7	N3-NV1
10	NGUYỄN THỊ HOÀN	13/09/2010	Nữ	Kinh	13.25	10A7	N3-NV1
11	PHẠM THỊ HƯƠNG	02/10/2010	Nữ	Mường	11	10A7	N3-NV1
12	PHẠM THẾ KHẢI	27/12/2010	Nam	Kinh	15	10A7	N3-NV1
13	CHÀO QUANG LĂNG	11/06/2010	Nam	Nùng	10	10A7	N3-NV1
14	LÊ HOÀNG LINH	02/04/2010	Nữ	Kinh	17.75	10A7	N3-NV1
15	LONG THỊ LIÊU LINH	05/12/2010	Nữ	Nùng	15.5	10A7	N3-NV1
16	VŨ ĐỨC LONG	23/07/2010	Nam	Kinh	10	10A7	N3-NV1
17	HOÀNG THỊ KIM NGÂN	03/04/2010	Nữ	Nùng	10.5	10A7	N3-NV1
18	NGUYỄN THỊ BẢO NGỌC	24/09/2010	Nữ	Kinh	13.75	10A7	N3-NV1
19	TRẦN THANH NHÂN	25/05/2010	Nam	Kinh	11.75	10A7	N3-NV1
20	NÔNG THỊ PHƯƠNG NHI	13/02/2010	Nữ	Nùng	16.5	10A7	N3-NV1
21	H OAN HRA	26/06/2008	Nữ	Gia-rai	15	10A7	N3-NV1
22	MAI THỊ DIU OANH	17/12/2010	Nữ	Khơ-me	10	10A7	N3-NV1
23	CAO VIỆT PHÚC	28/05/2010	Nam	Kinh	11	10A7	N3-NV1
24	HỒ THỊ PHƯỢNG	12/01/2010	Nữ	Kinh	15.25	10A7	N3-NV1
25	LÊ NGUYỄN THU PHƯỢNG	15/07/2010	Nữ	Kinh	10.25	10A7	N3-NV1
26	VI TRUNG QUYÊN	13/02/2010	Nam	Nùng	12.92	10A7	N3-NV1
27	TRỊNH THỊ NHƯ QUỲNH	25/01/2010	Nữ	Kinh	11.75	10A7	N3-NV1
28	NIÊ RUBY SIU	25/04/2010	Nam	Ê-đê	11.25	10A7	N3-NV1
29	H' SU RA MJAỎ	31/07/2010	Nữ	Gia-rai		10A7	N3-NV1-Ut
30	H SUNY RCẨM	01/11/2010	Nữ	Gia-rai	10	10A7	N3-NV1
31	NÔNG THỊ MAI SƯƠNG	27/02/2010	Nữ	Tày		10A7	N3-NV1-Ut
32	HOÀNG THỊ TÚ	05/10/2010	Nữ	Kinh	12.25	10A7	N3-NV1
33	PHẠM NGUYỄN CÁT TƯỜNG	12/06/2010	Nữ	Kinh	12.5	10A7	N3-NV1
34	ĐỖ TUẤN THÀNH	28/09/2010	Nam	Kinh	10	10A7	N3-NV1
35	LÊ VĂN THÀNH	16/01/2010	Nam	Kinh	13.5	10A7	N3-NV1
36	PHAN TIẾN THÀNH	06/12/2010	Nam	Kinh	9.5	10A7	N3-NV1
37	NGUYỄN MINH THẮNG	10/02/2010	Nam	Kinh	12.25	10A7	N3-NV1
38	LÝ THỊ QUỲNH THÚ	28/09/2010	Nữ	Nùng	17.75	10A7	N3-NV1
39	DƯƠNG THỊ ĐAN TRANG	13/06/2010	Nữ	Nùng	11.75	10A7	N3-NV1
40	PHƯƠNG THỊ YẾN TRANG	07/09/2010	Nữ	Nùng	12.75	10A7	N3-NV1
41	HOÀNG THỊ KIỀU VÂN	31/08/2010	Nữ	Nùng	13.25	10A7	N3-NV1
42	TRẦN HOÀNG THANH VÂN	22/12/2010	Nữ	Kinh	20.5	10A7	N3-NV1
43	NÔNG ĐỨC VIỆT	26/12/2010	Nam	Tày	16.25	10A7	N3-NV1
44	ĐOÀN PHƯƠNG VY	17/10/2010	Nữ	Kinh	15	10A7	N3-NV1

NGƯỜI LẬP DANH SÁCH

fe

Huỳnh Trung Hiếu



Lê Quang Trường

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐẮK LẮK

TRƯỜNG THPT EA SÚP

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 10 NĂM HỌC 2025-2026

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Tổng điểm xét tuyển	Lớp	Xếp lớp theo nhóm môn học và NV
1	NGUYỄN TUẤN ANH	27/09/2010	Nam	Kinh	12.5	10A8	N3-NV1
2	NGUYỄN THỊ KIM ANH	14/05/2010	Nữ	Kinh	13.75	10A8	N3-NV1
3	PHẠM KHÔNG GIA BẢO	11/10/2010	Nam	Kinh	10.25	10A8	N3-NV1
4	TRẦN THỊ DIỆU CHÂU	10/10/2010	Nữ	Kinh	10.5	10A8	N3-NV1
5	HOÀNG THỊ THANH DIỆP	05/11/2010	Nữ	Nùng	10.75	10A8	N3-NV1
6	VY THỊ ĐAN ĐAN	19/01/2010	Nữ	Thái	11.25	10A8	N3-NV1
7	TRƯƠNG BẢO GIANG	01/12/2010	Nam	Thái	12.25	10A8	N3-NV1
8	ĐÀM THỊ QUÝ HÂN	19/09/2010	Nữ	Nùng	11	10A8	N3-NV1
9	HÀ THỊ HỢP	17/10/2010	Nữ	Tày	12	10A8	N3-NV1
10	PHÙNG NGỌC HUY	04/04/2010	Nam	Kinh	10	10A8	N3-NV1
11	BÙI THANH HUYỀN	08/04/2010	Nữ	Kinh	11.5	10A8	N3-NV1
12	TÔN QUỲNH HƯƠNG	01/11/2010	Nữ	Kinh	17	10A8	N3-NV1
13	H' KALI SIU	17/08/2009	Nữ	Gia-rai	14.25	10A8	N3-NV1
14	NGUYỄN THIÊN KIM	29/08/2010	Nữ	Kinh	15	10A8	N3-NV1
15	NGUYỄN HỒ BÌNH KHANG	14/06/2010	Nam	Kinh	11.25	10A8	N3-NV1
16	VI THỊ PHƯƠNG LINH	26/10/2010	Nữ	Nùng	14	10A8	N3-NV1
17	LÝ TIẾN MINH	25/01/2010	Nam	Mạ	10	10A8	N3-NV1
18	TRẦN THỊ TUYẾT MINH	20/12/2010	Nữ	Kinh	13.75	10A8	N3-NV1
19	H' NI NA SIU	19/08/2010	Nữ	Gia-rai	10.75	10A8	N3-NV1
20	NGUYỄN THỊ BẢO NGỌC	02/01/2010	Nữ	Kinh	17.25	10A8	N3-NV1
21	TRẦN BẢO NGỌC	03/12/2010	Nam	Tày	12.33	10A8	N3-NV1
22	MAI THỊ KIM NHẬT	20/10/2010	Nữ	Kinh	12.25	10A8	N3-NV1
23	NGUYỄN TRỊNH BẢO NHI	29/09/2010	Nữ	Kinh	15	10A8	N3-NV1
24	TRẦN THỊ QUỲNH NHƯ	29/03/2010	Nữ	Tày	17	10A8	N3-NV1
25	BÙI DIỆP PHÁP	30/11/2008	Nam	Kinh		10A8	N3-NV1-Ut
26	NGUYỄN PHẠM TAM PHONG	27/09/2010	Nam	Kinh	15.25	10A8	N3-NV1
27	NGUYỄN ĐẠI THANH PHÚC	02/02/2010	Nam	Kinh	16.75	10A8	N3-NV1
28	TRẦN DUY PHÚC	20/10/2010	Nam	Kinh	10.5	10A8	N3-NV1
29	NGUYỄN ĐÌNH PHƯƠNG	14/01/2010	Nam	Kinh	13	10A8	N3-NV1
30	TRỊNH THANH PHƯƠNG	08/11/2010	Nữ	Thái	15.5	10A8	N3-NV1
31	ĐỖ VIỆT QUỐC	20/06/2009	Nam	Kinh		10A8	N3-NV1-Ut
32	HOÀNG THỊ NHƯ QUỲNH	12/01/2010	Nữ	Tày	12.25	10A8	N3-NV1
33	LỤC NHƯ QUỲNH	25/01/2010	Nữ	Nùng	15.25	10A8	N3-NV1
34	PHẠM VĂN TÀI	24/05/2009	Nam	Kinh	10	10A8	N3-NV1
35	NGUYỄN HỮU TÂN	23/05/2010	Nam	Kinh	11.25	10A8	N3-NV1
36	H- TÊ RA SIU	18/03/2010	Nữ	Gia-rai	10	10A8	N3-NV1
37	H' TY NA SIU	28/03/2010	Nữ	Gia-rai	11.25	10A8	N3-NV1
38	TRẦN VI THANH THẢO	15/11/2010	Nữ	Tày		10A8	N3-NV1-Ut
39	NÔNG THỊ THIÊN THU	07/01/2010	Nữ	Tày	9.75	10A8	N3-NV1
40	HỒ NGỌC TRÂM	28/07/2010	Nữ	Kinh	23.75	10A8	N3-NV1
41	Y TRÍ NIỀ	19/07/2010	Nam	Gia-rai	19	10A8	N3-NV1
42	TRIỆU THỊ KIỀU VÂN	30/08/2010	Nữ	Nùng	10.75	10A8	N1-NV1
43	HOÀNG THIÊN VŨ	21/01/2010	Nam	Tày	10.75	10A8	N3-NV1
44	H XÊ MI SIU	18/02/2010	Nữ	Gia-rai	10	10A8	N3-NV1

NGƯỜI LẬP DANH SÁCH



Huỳnh Trung Hiếu

HIỆU TRƯỞNG



Lê Quang Trường

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐẮK LẮK

TRƯỜNG THPT EA SÚP

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 10 NĂM HỌC 2025-2026

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Tổng điểm xét tuyển	Lớp	Xếp lớp theo nhóm môn học và NV
1	TRẦN PHÚC ANH	29/11/2010	Nam	Kinh	8	10A9	N4-NV2
2	TRIỆU QUỐC CHIẾN	13/07/2010	Nam	Nùng	9.5	10A9	N4-NV2
3	H' DU RA MJÁO	09/08/2010	Nữ	Gia-rai	9.25	10A9	N4-NV2
4	VŨ BẢO DUY	28/02/2010	Nam	Kinh	10	10A9	N4-NV1
5	NGUYỄN THỊ TRẢ GIANG	26/03/2010	Nữ	Kinh	17.33	10A9	N4-NV1
6	HOÀNG TRỌNG HẢI	14/09/2010	Nam	Kinh	16.75	10A9	N4-NV1
7	PHẠM THỊ THANH HẰNG	17/09/2010	Nữ	Kinh	12	10A9	N4-NV1
8	NÔNG NHẬT HOÀNG	21/12/2010	Nam	Tày	12	10A9	N4-NV1
9	Y HỌC KSƠR	07/11/2010	Nam	Gia-rai	6.25	10A9	N4-NV2
10	MAI MINH HẠ HỒ	16/01/2010	Nam	Kinh	14	10A9	N4-NV1
11	HOÀNG THỊ THANH HUYỀN	26/12/2010	Nữ	Tày	8.25	10A9	N4-NV2
12	NÔNG THỊ MAI HƯƠNG	04/05/2010	Nữ	Tày	10.75	10A9	N4-NV1
13	Y KATY SIU	25/07/2010	Nam	Gia-rai	15.25	10A9	N4-NV1
14	TÔNG DUY KHÁNH	04/11/2010	Nam	Nùng	8.25	10A9	N4-NV1
15	BÙI THỊ LÀI	28/10/2009	Nữ	Kinh	8.75	10A9	N4-NV1
16	HỒ NHẬT HƯƠNG LINH	02/08/2010	Nữ	Kinh	9.5	10A9	N4-NV3
17	NÔNG THỊ THUY LINH	27/09/2010	Nữ	Nùng	11.5	10A9	N4-NV1
18	BÙI GIA LONG	04/03/2010	Nam	Kinh	9.25	10A9	N4-NV3
19	LÝ BẢO LONG	13/02/2010	Nam	Nùng		10A9	N4-NV1-Ut
20	VŨ DUY LỘC	10/06/2010	Nam	Kinh	17.5	10A9	N4-NV1
21	TRẦN ĐỨC LƯƠNG	16/10/2010	Nam	Kinh	10.75	10A9	N4-NV1
22	HỨA VƯƠNG TRẢ MY	25/08/2010	Nữ	Nùng	11.75	10A9	N4-NV1
23	DƯƠNG THỊ HOA MỸ	03/09/2010	Nữ	Nùng	10	10A9	N4-NV1
24	HỒ VĂN NAM	08/11/2010	Nam	Kinh		10A9	N4-NV1-Ut
25	NGUYỄN THỊ NAM	22/05/2010	Nữ	Kinh	15.5	10A9	N4-NV1
26	VŨ QUANG NGỌC	01/02/2010	Nam	Kinh	12.5	10A9	N4-NV1
27	HUỖNH THỊ NGỌC NHI	20/08/2010	Nữ	Kinh	11.25	10A9	N4-NV1
28	NÔNG THỊ TÂM NHƯ	10/04/2010	Nữ	Nùng	13.75	10A9	N4-NV1
29	NGUYỄN THỊ QUỲNH OANH	23/11/2010	Nữ	Kinh	9.75	10A9	N4-NV1
30	Y RAI HRA	20/02/2008	Nam	Gia-rai	9	10A9	N4-NV2
31	H' REN SIU	13/11/2010	Nữ	Gia-rai	9.25	10A9	N4-NV2
32	BÊ GIẢNG SƠN	15/11/2010	Nữ	Tày	8.25	10A9	N4-NV2
33	NGUYỄN HỮU TRƯỜNG SƠN	01/01/2009	Nam	Kinh		10A9	N4-NV1-Ut
34	HOÀNG ANH TUẤN	12/12/2010	Nam	Dao	8.25	10A9	N4-NV2
35	HÀ ĐÌNH TÙNG	22/07/2010	Nam	Thái	12.25	10A9	N4-NV1
36	HOÀNG DUY THANH	09/10/2010	Nam	Kinh	10.67	10A9	N4-NV1
37	BÙI THỊ THANH THIÊN THẢO	07/09/2009	Nữ	Kinh	12.25	10A9	N4-NV1
38	PHẠM THÀNH THẮNG	07/07/2010	Nam	Kinh	9.75	10A9	N4-NV1
39	TẠ MAI HOÀI THƯƠNG	25/10/2010	Nữ	Kinh	15.75	10A9	N4-NV1
40	LƯƠNG THỊ KIỀU TRANG	24/04/2010	Nữ	Nùng	13.75	10A9	N4-NV1
41	HUỖNH THỊ NGỌC TRẦN	29/10/2009	Nữ	Kinh	16.75	10A9	N4-NV1
42	NGUYỄN VÔ NGỌC TRẦN	06/09/2010	Nữ	Kinh	25.5	10A9	N4-NV1
43	NGUYỄN ĐAN TRƯỜNG	05/06/2010	Nam	Kinh	9.5	10A9	N4-NV2

NGƯỜI LẬP DANH SÁCH

fē

Huỳnh Trung Hiếu

HIỆU TRƯỞNG



Lê Quang Trường

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐẮK LẮK

TRƯỜNG THPT EA SÚP

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 10 NĂM HỌC 2025-2026

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Tổng điểm xét tuyển	Lớp	Xếp lớp theo nhóm môn học và NV
1	VŨ PHƯƠNG ANH	28/02/2010	Nữ	Kinh	16	10A10	N4-NV1
2	NÔNG VĂN BẢO	11/01/2010	Nam	Nùng	11.75	10A10	N4-NV1
3	NGUYỄN THUY BÌNH	14/10/2010	Nữ	Kinh	24.5	10A10	N4-NV1
4	BUI CHÍ CÔNG	10/07/2009	Nam	Kinh	17.75	10A10	N4-NV1
5	ĐOÀN BẢO CHÂM	28/10/2010	Nữ	Tày		10A10	N4-NV1-Ut
6	BUI VĂN CHIẾN	20/01/2010	Nam	Mường	8.75	10A10	N4-NV1
7	LỤC QUỐC CHIẾN	11/04/2010	Nam	Nùng	8.25	10A10	N4-NV2
8	SUNG THỊ DUNG	01/10/2010	Nữ	HMông		10A10	N4-NV1-Ut
9	H' ĐA NAISH HRA	23/01/2010	Nữ	Gia-rai	7.5	10A10	N4-NV1
10	HỒ NGUYỄN THANH ĐẠT	24/02/2010	Nam	Kinh	11	10A10	N4-NV1
11	H' GIA NI SIU	23/05/2010	Nữ	Gia-rai	11.33	10A10	N4-NV1
12	LÝ VĂN HẠNH	07/02/2008	Nam	Nùng	10	10A10	N4-NV1
13	ĐÀM PHẠM NGỌC HÂN	09/11/2010	Nữ	Tày	12.75	10A10	N4-NV1
14	VƯƠNG THỊ THANH HIỀN	18/10/2010	Nữ	Nùng	8.25	10A10	N4-NV2
15	PHẠM TRUNG HIẾU	20/02/2009	Nam	Kinh	9.75	10A10	N4-NV1
16	VŨ ĐỨC HIẾU	08/09/2010	Nam	Kinh	15.25	10A10	N4-NV1
17	HỒ THỊ THU HOÀI	07/06/2010	Nữ	Kinh	9	10A10	N4-NV2
18	DƯƠNG THÀNH TUẤN HÙNG	11/03/2010	Nam	Kinh	9.5	10A10	N4-NV2
19	VŨ THỊ VIỆT HƯƠNG	15/09/2010	Nữ	Kinh	13.25	10A10	N4-NV1
20	NÔNG TIẾN KHANG	08/03/2010	Nam	Nùng	13.25	10A10	N4-NV1
21	NGUYỄN HOÀNG BẢO LÂM	03/01/2010	Nam	Kinh	9	10A10	N4-NV1
22	VI THỊ TRÚC LINH	10/08/2010	Nữ	Tày		10A10	N4-NV1-Ut
23	TRẦN HOÀNG LONG	07/02/2010	Nam	Kinh	16.25	10A10	N4-NV1
24	HÀ DUY MẠNH	25/12/2010	Nam	Kinh	8.75	10A10	N4-NV1
25	LÝ THỊ THU NGÀ	30/06/2010	Nữ	Nùng	14	10A10	N4-NV1
26	ĐẶNG MUI NHẢY	10/07/2010	Nữ	Dao	15	10A10	N4
27	PHẠM TRẦN UYÊN NHI	14/05/2010	Nữ	Kinh	16.5	10A10	N4-NV1
28	TRẦN THỊ QUỲNH NHƯ	05/03/2010	Nữ	Kinh	17.75	10A10	N4-NV1
29	LƯƠNG THỊ KIM OANH	24/08/2010	Nữ	Nùng	13.25	10A10	N4-NV1
30	LÝ THỊ KIM OANH	13/06/2010	Nữ	Nùng	10.25	10A10	N4-NV1
31	VŨ THIÊN OANH	05/07/2010	Nữ	Kinh	15	10A10	N4-NV1
32	NÔNG THANH PHÚC	20/12/2010	Nam	Tày	12.25	10A10	N4-NV1
33	TRỊNH BÁ QUÂN	25/08/2010	Nam	Kinh	10.25	10A10	N4-NV1
34	HUỲNH XUÂN THÁI	08/02/2010	Nam	Kinh	10.5	10A10	N4-NV1
35	LÊ THỊ THẢO	09/01/2010	Nữ	Kinh	9.75	10A10	N4-NV1
36	ĐÀM MINH THIÊN	17/12/2010	Nam	Tày	8.5	10A10	N4-NV1
37	NÔNG THỊ THU	09/03/2009	Nữ	Nùng	8.75	10A10	N4-NV2
38	ĐẶNG VĂN THUẬN	14/06/2010	Nam	Kinh	11.75	10A10	N4-NV1
39	VƯƠNG THỊ THU TRANG	15/09/2010	Nữ	Nùng	9.25	10A10	N4-NV2
40	TRẦN THỊ TRÂM	06/05/2010	Nữ	Kinh	11.5	10A10	N4-NV1
41	NGUYỄN THỊ HUYỀN TRẦN	02/02/2010	Nữ	Kinh	12	10A10	N4-NV1
42	DƯƠNG THỊ KIỀU UYÊN	16/05/2010	Nữ	Tày	9.75	10A10	N4-NV1

NGƯỜI LẬP DANH SÁCH

fē

Huỳnh Trung Hiếu

HIỆU TRƯỞNG



Lê Quang Trường

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐẮK LẮK

TRƯỜNG THPT EA SÚP

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 10 NĂM HỌC 2025-2026

STT	Họ và tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Tổng điểm xét tuyển	Lớp	Xếp lớp theo nhóm môn học và NV
1	PHẠM VÀNG ANH	06/12/2010	Nữ	Kinh	22.5	10A11	N4-NV1
2	TRIỆU YẾN CHI	03/05/2010	Nữ	Nùng	8.75	10A11	N4-NV2
3	NGUYỄN MẠNH CHÍNH	15/07/2010	Nam	Kinh	15.75	10A11	N4-NV1
4	NGUYỄN VĂN CHUNG	06/10/2009	Nam	Kinh	9.5	10A11	N4-NV1
5	LÊ CÔNG DUY	06/06/2009	Nam	Kinh	9	10A11	N4-NV2
6	TÔ NÔNG DUY	17/06/2009	Nam	Nùng	8.5	10A11	N4-NV2
7	TRẦN THỊ BÍCH DUYỀN	27/01/2010	Nữ	Tày	13	10A11	N4-NV1
8	PHẠM HUY GIANG	23/06/2010	Nam	Kinh	9.5	10A11	N4-NV1
9	MÃ ĐẠI GIÁP	17/11/2010	Nam	Nùng		10A11	N4-NV1-Ut
10	LÊ TỰ HẢO	02/01/2010	Nam	Kinh	16.08	10A11	N4-NV1
11	KHÔNG MINH HIẾU	23/12/2010	Nam	Kinh	8.75	10A11	N4-NV1
12	HÀ MẠNH HỒ	16/02/2010	Nam	Thái	13.25	10A11	N4-NV1
13	LỤC CHẨN HUY	05/09/2010	Nam	Nùng	8.25	10A11	N4-NV2
14	TRẦN DUY GIA HUY	17/08/2010	Nam	Kinh	11	10A11	N4-NV1
15	BÙI THỊ THÁI HUYỀN	12/02/2010	Nữ	Kinh	14.5	10A11	N4-NV1
16	NGUYỄN THỊ HUYỀN	05/02/2010	Nữ	Kinh	16.25	10A11	N4-NV1
17	MẠC TUẤN HUNG	17/09/2010	Nam	Nùng	8.75	10A11	N4-NV2
18	LÊ VĂN HỮU	03/01/2010	Nam	Mường	12.25	10A11	N4-NV1
19	VŨ THỊ KIA	09/06/2008	Nữ	HMông	8.75	10A11	N4-NV3
20	PHẠM THỊ GIA LINH	23/12/2010	Nữ	Kinh	11.5	10A11	N4-NV1
21	PHẠM NGUYỄN VIỆT LUÂN	30/01/2010	Nam	Kinh	18.5	10A11	N4-NV1
22	H ME LI A RCOM	13/09/2010	Nữ	Gia-rai	9.5	10A11	N4-NV2
23	H' NGA HRA	14/02/2010	Nữ	Gia-rai	5.75	10A11	N4-NV1
24	NGUYỄN THỊ BẢO NGỌC	30/11/2010	Nữ	Thái	10.5	10A11	N4-NV1
25	H RI A KPÁ	22/10/2010	Nữ	Gia-rai	9.5	10A11	N4-NV1
26	HÀ THỊ DẮNG SON	27/08/2010	Nữ	Kinh	14	10A11	N4-NV1
27	HOÀNG THỊ HÀ TIẾP	23/12/2010	Nữ	Tày	19.75	10A11	N4-NV1
28	VƯƠNG MẠNH TÙNG	30/03/2009	Nam	Nùng	10.75	10A11	N4-NV1
29	LÝ CHÍ TUYẾN	20/02/2010	Nam	HMông	11.5	10A11	N4
30	VŨ ĐỨC TUYẾN	29/10/2009	Nam	Kinh	10.5	10A11	N4-NV1
31	TRẦN THỊ MAI THANH	27/04/2010	Nữ	Kinh	20.5	10A11	N4-NV1
32	PHẠM TIẾN THÀNH	29/01/2010	Nam	Kinh	10.5	10A11	N4-NV1
33	TRỊNH VĂN THÀNH	15/06/2010	Nam	Kinh	11.75	10A11	N4-NV1
34	H THIẾT SIU	07/05/2010	Nữ	Gia-rai	6.5	10A11	N4-NV2
35	LÔ THỊ MAI THÙY	12/03/2010	Nữ	Thái		10A11	N4-NV1-Ut
36	HOÀNG THỊ MAI TRANG	06/09/2009	Nữ	Kinh	9.5	10A11	N4-NV2
37	NGUYỄN THỊ KIỀU TRANG	22/10/2010	Nữ	Kinh	9.25	10A11	N4-NV2
38	NGUYỄN THÙY TRANG	24/09/2010	Nữ	Kinh	16.25	10A11	N4-NV1
39	ĐẶNG TRẦN NHƯ TRÚC	08/04/2010	Nữ	Kinh	12	10A11	N4-NV1
40	TRIỆU KHÁNH VY	11/08/2010	Nữ	Dao		10A11	N4-NV1-Ut
41	TRẦN HOÀNG GIA VỸ	15/05/2009	Nam	Nùng	11	10A11	N4
42	H ZELA SIU	17/08/2010	Nữ	Gia-rai	13	10A11	N4-NV1

NGƯỜI LẬP DANH SÁCH

fc

Huỳnh Trung Hiếu

HIỆU TRƯỞNG



Lê Quang Trường